

TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được thế nào là từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Có ý thức sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh để tăng thêm tính hình tượng, tính biểu cảm trong giao tiếp.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trước hết là vấn đề thuật ngữ. *Từ tượng hình, từ tượng thanh* là những thuật ngữ đã được dùng quen trong Việt ngữ học. *Tượng* ở đây là một yếu tố Hán Việt có nghĩa là "mô phỏng". *Từ tượng thanh* là một thuật ngữ rất đạt, nó chỉ những từ được đặt ra theo phương thức mô phỏng âm thanh trong thực tế khách

quan. Trong tiếng Việt, những từ như (con) *mèo*, (chim) *cuốc*, (cười) *ha ha*, (khóc) *hu hu*, (kêu) *ư ư*, (gió thổi) *ù ù*,... đều là từ tượng thanh. Nhưng *từ tượng hình* thì lại là một thuật ngữ không đạt. Từ là một đơn vị ngôn ngữ có vỏ vật chất là âm thanh. Âm thanh thì làm sao mà mô phỏng được hình dáng. Chỉ có chữ viết mới có khả năng mô phỏng được hình dáng. Nhưng không phải mọi thứ chữ viết đều có khả năng mô phỏng hình dáng mà chỉ có loại chữ như chữ Hán mới có khả năng đó. Chữ 木 (*mộc*: cây), chữ 本 (*bản*: gốc), chữ 日 (*nhật*: mặt trời), chữ 月 (*nguyệt*: mặt trăng),... là những chữ tượng hình. Đúng ra nên gọi là *từ gợi hình*. Tuy nhiên, vì thói quen cũng có thể dùng thuật ngữ *từ tượng hình* để chỉ những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật, hoạt động, trạng thái của sự vật như đã trình bày trong SGK.

2. Trong Việt ngữ học, có người muốn tìm mối liên hệ tất yếu giữa đặc điểm âm thanh của từ tượng hình với ý nghĩa của nó. Bước đầu người ta tìm thấy :

- Các từ như *eo, queo, nheo, ngoe*,... có chung vần *eo*, chỉ hình dáng không thẳng.

- Các từ như *ép, nép, lép, khép, dẹp, bẹp*,... có chung vần *ep*, chỉ hình dáng hoặc động tác thu hẹp lại.

- Các từ như *bông, vông, phông, lông ngông*,... có chung vần *ông*, chỉ hình dáng nở ra, cao lên.

Nhưng những kết quả tìm tòi đó chỉ mới là bước đầu, chưa thể dùng làm cứ liệu để đi đến những quy tắc khái quát cho mối liên quan giữa đặc điểm âm thanh và nghĩa của rất nhiều từ tượng hình. Vì thế GV không nên nêu vấn đề này với HS.

3. GV cần làm cho HS thấy rõ tính hình tượng và sắc thái biểu cảm của từ tượng hình và từ tượng thanh. Do đặc tính về âm và nghĩa mà từ tượng hình, từ tượng thanh khi được sử dụng trong văn tự sự và miêu tả làm cho cảnh vật, con người hiện ra sống động với nhiều dáng vẻ, cử chỉ, âm thanh, màu sắc và tâm trạng khác nhau. *Cười* là một động từ chỉ hoạt động của con người. Nhưng cười cũng có nhiều kiểu với nhiều dáng vẻ, âm sắc và tâm trạng khác nhau. *(Cười) ha ha* và *(cười) hó hó* không chỉ khác nhau về âm sắc mà còn khác nhau về tâm trạng, về sắc thái biểu cảm.

Ha ha là từ gợi tả tiếng cười to, tỏ ý tán thưởng hoặc sảng khoái.

Hó hó là từ mô phỏng tiếng cười to và thô lỗ, gây cảm giác khó chịu cho người khác.

Cười kháy và *cười nụ* là hai từ tượng hình không chỉ khác nhau về dáng vẻ mà còn khác nhau về tâm trạng.

Cười kháy là cười nhếch mép, phát ra một tiếng khê, ngắn, tỏ vẻ khinh thường.

Cười nụ là cười hơi chúm môi lại, không thành tiếng, tỏ ý thích thú một mình hoặc để tỏ tình ý một cách kín đáo.

So sánh từ tượng hình và từ tượng thanh gần nghĩa đồng thời quan sát cách sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh trong các tác phẩm văn học đã học là phương pháp để GV gợi cho HS hiểu giá trị của hai lớp từ này.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu đặc điểm, công dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh.

GV cho HS đọc các đoạn trích trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, chú ý quan sát các từ in đậm và trả lời câu hỏi.

Câu hỏi (a) không khó đối với HS.

Câu hỏi (b) gợi dẫn cho HS tìm hiểu tác dụng của hai lớp từ này. Từ tượng hình, từ tượng thanh gợi được hình ảnh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao. Ngoài các đoạn trích trong SGK, GV có thể tìm thêm một số đoạn trích khác trong các văn bản đã học.

Hoạt động 2. Tổng hợp kết quả phân tích.

Trên cơ sở quan sát trên, GV hướng dẫn HS tổng kết ngắn gọn hai điều về từ tượng hình, từ tượng thanh như đã trình bày trong phần *Ghi nhớ*.

Hoạt động 3. Hướng dẫn làm bài tập.

Làm ở lớp bốn bài tập đầu. Bài tập 5 có thể làm ở nhà.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. Các từ tượng hình, từ tượng thanh : *soàn soạt, rón rén, bịch, bộp, lẻo khoẻo, (ngã) chóng quèo.*

Bài tập 2. Làm theo mẫu.

Bài tập 3.

ha ha : từ gợi tả tiếng cười to, tỏ ra rất khoái chí.

hi hi : từ mô phỏng tiếng cười phát cả ra đằng mũi, thường biểu lộ sự thích thú, có vẻ hiền lành.

hớ hớ (đã nói ở trên).

hớ hớ: từ mô phỏng tiếng cười thoải mái, vui vẻ, không cần che đậy, giữ gìn.

Bài tập 4. GV gợi dẫn HS hiểu nghĩa của các từ này trước lúc đặt câu.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Diệp Quang Ban – Phan Thiều, *Tiếng Việt 7*, tập một, Sách giáo viên, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

– Viện Ngôn ngữ học (Hoàng Phê chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng, 2000.